

ĐỀ A NMMMT -UIT

Thời gian làm bài: 40 phút (Không kể thời gian giao đề)

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

<https://azota.vn/de-thi/fqvvgb>

Câu 1. Tầng nào dưới đây không thuộc mô hình TCP/IP

- A. Tầng Applicaton
- B. Tầng Session
- C. Tầng Link
- D. Tầng Network

Đáp án đúng: B

Câu 2. Trong giao thức RDT, phiên bản nào thực hiện gửi lại gói tin nếu không nhận được gói ACK sau thời gian chờ của nó?

- A. RDT 3.0
- B. RDT 2.2
- C. RDT 2.1
- D. RDT 1.0

Đáp án đúng: A

Câu 3. Tổng độ dài của header của gói tin UDP là bao nhiêu byte?

- A. 16
- B. 64
- C. 32
- D. 8

Đáp án đúng: D

Câu 4. Các giao thức tại Tầng Vận Chuyển Không cung cấp dịch vụ nào sau đây

- A. Checksum
- B. Đảm bảo độ trễ
- C. DeMultiplexing tại bên nhận
- D. Multiplexing tại bên gửi

Đáp án đúng: B

Câu 5. Khi nào kết nối TCP của HTTP không bền vững sẽ được đóng?

- A. Khi client nhận được tất cả các đối tượng mà nó yêu cầu.
- B. Khi server gửi tất cả các đối tượng mà nó có.
- C. Ngay sau khi một đối tượng duy nhất đã được gửi qua kết nối.
- D. Khi không có bất kỳ truy vấn nào từ client.

Đáp án đúng: C

Câu 6. Giao thức RDT nào cung cấp dịch vụ giao hàng tin cậy?

- A. RDT 1.0
- B. RDT 2.1
- C. RDT 2.2
- D. RDT 3.0

Đáp án đúng: D

Câu 7. Mã 404 trong thông điệp trả lời từ Web server về trình duyệt có ý nghĩa là gì?

- A. Server không hiểu yêu cầu của client
- B. Đối tượng client yêu cầu không có
- C. Không tìm thấy Server
- D. Yêu cầu của Client không hợp lệ

Đáp án đúng: B

Câu 8. Thời gian đáp ứng khi một trình duyệt yêu cầu một đối tượng trên Web server nếu HTTP không bền vững là bao nhiêu?

- A. RTT+ thời gian truyền tập tin
- B. 2RTT+ thời gian truyền tập tin
- C. 3RTT+ thời gian truyền tập tin
- D. nRTT+ thời gian truyền tập tin

Đáp án đúng: B

Câu 9. Trình duyệt đang sử dụng phiên bản HTTP nào?

GET /cs453/index.html HTTP/1.1<cr><lf>Host: gaia.cs.umass.edu<cr><lf>UserAgent: Mozilla/5.0 (Windows;U; Windows NT 5.1; en-US; rv:1.7.2)Gecko/20040804 Netscape/7.2 (ax) <cr><lf>Accept:ext/xml,application/xml,application/xhtml+xml,text/html;q=0.9,text/plain;q=0.8,image/png,*/*;q=0.5<cr><lf>Accept-Language:en-us,en;q=0.5<cr><lf>Accept-Encoding: zip,deflate<cr><lf>Accept-Charset:ISO-8859-1,utf-8;q=0.7,*;q=0.7<cr><lf>Keep-Alive:300<cr><lf>Connection:keep-alive<cr><lf><cr><lf>

A. 5.0

B. 1.1

C. 7.2

D. 1.0

Đáp án đúng: B

Câu 10. Ứng dụng nào sau đây không sử dụng giao thức UDP?

A. DNS

B. Các ứng dụng đa phương tiện

C. SNMP

D. Các ứng dụng truyền nhận tin cậy

Đáp án đúng: D

Câu 11. HTTP (Hypertext Transfer Protocol) là:

A. Giao thức ứng dụng cho phép các máy tính giao tiếp với nhau qua Web và có khả năng liên kết các trang Web với nhau.

B. Giao thức tầng vận chuyển cho phép truyền tải các trang Web.

C. Một thành phần tên miền.

D. Giao diện Web.

Đáp án đúng: A

Câu 12. Các giao thức ứng dụng hoạt động trên:

A. Tầng trình diễn

B. Tầng phiên

C. Tầng ứng dụng

D. Tầng liên kết dữ liệu

Đáp án đúng: C

Câu 13. HTTP làm nhiệm vụ gì:

A. Cung cấp một cơ chế để lấy dữ liệu từ server chuyển đến client

B. Hiển thị các trang Web từ xa trên màn hình và giúp người dùng tương tác với chúng

C. Cung cấp giao diện người dùng như các nút bấm, thanh trượt,...

D. Cung cấp dữ liệu từ server sử dụng giao thức chuyển file (File Transport Protocol)

Đáp án đúng: A

Câu 14. Trên Internet, email được gửi từ máy nguồn bằng cách thiết lập một kết nối TCP

đến một cổng cụ thể trên máy đích. Cổng đó là:

A. 80

B. 110

C. 25

D. 404

Đáp án đúng: C

Câu 15. Giả sử có một bản ghi của dịch vụ DNS là (cnn.com, r1.infor.cnn.com, CNAME)

A. cnn.com là tên viết tắt (rút gọn) của r1.infor.cnn.com

B. r1.infor.cnn.com là tên viết tắt (rút gọn) của cnn.com

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Đáp án đúng: A

Câu 16. Giao thức được sử dụng để 2 bên truyền file là:

A. HTTP

B. FTP

C. SMTP

D. SNMP

Đáp án đúng: B

Câu 17. Giả sử có một bản ghi của dịch vụ DNS là (alpha.com, 123.4.5.7, NS). Chọn câu

trả lời đúng:

A. 123.4.5.7 là địa chỉ IP của máy alpha.com

- B. alpha.com là một tên miền, không phải là một máy
- C. 123.4.5.7 là địa chỉ IP của máy phục vụ thư (mail server) có tên miền là google.com
- D. Tất cả đều sai

Đáp án đúng: B

Câu 18. Web server thường sử dụng phần mềm chạy trên:

- A. Cổng 25
- B. Cổng 404
- C. Cổng 125
- D. Cổng 80

Đáp án đúng: D

Câu 19. Trong những thông điệp HTTP trả lời dưới đây, thông điệp nào đúng:

- A. 200 "OK"
- B. 201 "Moved Permanently"
- C. 404 "Not Modified"
- D. 20 "Not Implemented"

Đáp án đúng: A

Câu 20. Những thông điệp nào dưới đây được giao thức POP3 hỗ trợ:

- A. Kiểm chứng (Authorization)
- B. Đọc một thư (Retrieving a message)
- C. Xoá một thư
- D. Tất cả đều đúng

Đáp án đúng: D

Câu 21. Giao thức nào thuộc tầng Application:

- A. IP
- B. HTTP
- C. NFS
- D. TCP

Đáp án đúng: B

Câu 22. Cho biết ứng dụng nào thuộc loại Client/Server:

- A. WinWord
- B. WWW (World Wide Web)
- C. Excel
- D. Photoshop

Đáp án đúng: B

Câu 23. Mã 404 trong thông điệp trả lời từ Web server cho Web client có ý nghĩa:

- A. Server không hiểu yêu cầu của client
- B. Đối tượng client yêu cầu không có
- C. Không có câu trả lời nào đúng
- D. Yêu cầu của Client không hợp lệ

Đáp án đúng: B

Câu 24. Giao thức được sử dụng để truyền thư giữa các máy chủ phục vụ thư (Mail server)

là:

- A. HTTP
- B. FTP
- C. SMTP
- D. POP

Đáp án đúng: C

Câu 25. Ứng dụng nào sử dụng mô hình client/server:

- A. Bit Torrent
- B. Email, Web
- C. Skype
- D. KaZaA

Đáp án đúng: B

Câu 26. Ứng dụng nào sử dụng mô hình P2P:

- A. Telnet
- B. Email
- C. Web
- D. Skype

Đáp án đúng: D

Câu 27. Các ứng dụng dùng giao thức TCP:

- A. Web, truyền file, Email
- B. Web, DNS, điện thoại Internet
- C. Hội thảo từ xa, điện thoại Internet, streaming media
- D. Telnet, DNS, Email

Đáp án đúng: A

Câu 28. Các ứng dụng dùng giao thức UDP:

- A. Web, truyền file, Email
- B. Web, DNS, điện thoại Internet
- C. Hội thảo từ xa, điện thoại Internet, streaming media
- D. Telnet, DNS, Email

Đáp án đúng: C

Câu 29. Định danh (identifier) của tiến trình bao gồm:

- A. Địa chỉ IP của host
- B. Địa chỉ IP và số hiệu cổng liên kết với tiến trình trên host
- C. Địa chỉ IP nguồn và địa chỉ IP đích
- D. Địa chỉ IP nguồn, số hiệu cổng nguồn, địa chỉ IP đích, số hiệu cổng đích

Đáp án đúng: B

Câu 30. Đây là một URL:

- | | |
|-------------------------|----------------------------------------|
| A. www.someschool.edu | B. 192.168.1.1 |
| C. .../someDept/pic.gif | D. www.someschool.edu/someDept/pic.gif |

Đáp án đúng: D

Câu 31. RTT (Round Trip Time) là:

- A. Thời gian khởi tạo kết nối TCP
- B. Thời gian để gửi một gói nhỏ đi từ client đến server
- C. Thời gian để gửi một gói nhỏ đi từ client đến server và quay lại
- D. Thời gian truyền file

Đáp án đúng: C

Câu 32. Trong cơ sở dữ liệu của DNS lưu trữ các resource record (RR) có dạng:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| A. (name, value, type, ttl) | B. (value, name, ttl, type) |
| C. (value, ttl, name, type) | D. (name, type, ttl, value) |

Đáp án đúng: A

Câu 33. Những giao thức nào sau đây thuộc tầng vận chuyển (Transport Layer) trong mô

hình TCP/IP:

- | | |
|--------|-----------------------|
| A. UDP | B. IP |
| C. TCP | D. Cả A và C đều đúng |

Đáp án đúng: D

Câu 34. Giao thức nào cung cấp tính năng vận chuyển gói tin có độ tin cậy cao:

- | | | | |
|--------|--------|--------|-------|
| A. UDP | B. TCP | C. ARP | D. IP |
|--------|--------|--------|-------|

Đáp án đúng: B

Câu 35. Khẳng định nào sau đây là đúng khi nói về kỹ thuật sử dụng băng thông hiệu quả:

- | | |
|---------------------------------|------------------------------------|
| A. Điều khiển luồng cửa sổ tĩnh | B. Điều khiển luồng tốc độ đảm bảo |
| C. Điều khiển luồng cửa sổ động | D. Điều khiển luồng tốc độ động |

Đáp án đúng: C

Câu 36. Giao thức TCP hoạt động cùng tầng với những giao thức nào:

- | | |
|----------------|------------|
| A. ARP, RARP | B. UDP |
| C. TELNET, FTP | D. IP, ARP |

Đáp án đúng: B

Câu 37. Giao thức UDP được sử dụng cho những ứng dụng:

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| A. Có yêu cầu liên kết | B. Đòi hỏi độ tin cậy cao |
| C. Yêu cầu độ trễ nhỏ | D. Không đòi hỏi độ tin cậy cao |

Đáp án đúng: D

Câu 38. Trong gói dữ liệu UDP (UDP segment), vùng dữ liệu thực sự bắt đầu từ byte thứ:

A. 4

B. 5

C. 8

D. 9

Đáp án đúng: D

Câu 39. Để phát hiện lỗi trong gói tin, người ta sử dụng kỹ thuật:

A. Số thứ tự (sequence number)

B. Số thứ tự ghi nhận (acknowledgement number)

C. Bộ định thời (timer)

D. Checksum

Đáp án đúng: D

Câu 40. Checksum trong gói dữ liệu UDP có độ dài:

A. 4 bit

B. 8 bit

C. 16 bit

D. 32 bit

Đáp án đúng: B

----HẾT---